

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/HC-PT

Ngày 27 tháng 02 năm 2024.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 695/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 647/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 289/2024/QĐPT-HC ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T (có mặt).

Địa chỉ: Tổ H, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Tiến T1 (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn Q (có mặt), bà Nguyễn Thị Linh P (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lưu Thị L, sinh năm 1958 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981 (có mặt);
3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989 (vắng mặt);
4. Bà Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh năm 1991 (vắng mặt);
5. Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1988 (vắng mặt);
6. Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1994 (vắng mặt);
7. Bà Nguyễn Thị Cẩm T5, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ H, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Ông T yêu cầu hủy Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T bị ảnh hưởng trong dự án Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp A (đoạn từ ngã ba rạch G đến kênh Ngay) tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc Ủy ban nhân dân huyện C tính giá bồi thường đất khu đất thu hồi của ông T theo đơn giá đất ở, hỗ trợ đầy đủ các chính sách và giải quyết tái định cư theo quy định của pháp luật.

Nhà đất tại vị trí thửa 383-1 tờ bản đồ số 13, diện tích 247,2m², tọa lạc tại tổ H, ấp A, xã A có nguồn gốc do cha mẹ ông T khai hoang trước năm 1975, sử dụng và cất nhà ở ổn định; Từ ngày 30/6/1975, ông T được cha mẹ cho khu đất này, ngày 31/12/1976 ông T được cấp hộ khẩu tại nhà đất này. Từ năm 1975 cho đến nay hộ ông T cất nhà ở ổn định trên toàn bộ khu đất, không có tranh chấp, không bị xử phạt hành chính. Ủy ban bồi thường toàn bộ khu đất theo giá đất nông nghiệp, hỗ trợ 50% đơn giá vật kiến trúc trên đất và không giải quyết tái định cư cho hộ ông T là trái quy định của pháp luật. Nhà đất bị giải tỏa là căn nhà duy nhất của gia đình ông T, sau khi bàn giao mặt bằng để Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện dự án, gia đình ông được Ủy ban hỗ trợ thuê nhà trọ để ở, điều kiện sống rất khó khăn, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T theo quy định của pháp luật.

* Người bị kiện tại Văn bản số 6865/UBND ngày 15/11/2022 có ý kiến:

Thực hiện Dự án Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư A (đoạn từ ngã ba rạch Giông đến kênh N), xã A, huyện C, ngày 29 tháng 01 năm 2018, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C lập Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng tại dự án (hồ sơ bồi thường số 11) đối với chủ tài sản là ông Nguyễn Văn T.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 627/QĐ-UBND về thu hồi phần diện tích đất của hộ ông Nguyễn Văn T bị ảnh hưởng trong Dự án là 247,20m² thuộc thửa số 6-1, 7-1, 8-1, r, tờ bản đồ số 57, tài liệu năm 2005 (nhằm một phần thửa đất số 383, tờ bản đồ số 131, tài liệu năm 1992) tại xã A, huyện C; không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 659/QĐ-UBND về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Văn T với số tiền là 344.346.000 đồng.

Không đồng ý, ông Nguyễn Văn Tấn T gửi đơn đề nghị bố trí 02 nền tái định cư cho gia đình. Ngày 01 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 6185/UBND về việc giải quyết đơn, theo đó đối với nội dung kiến nghị là không đủ cơ sở để xem xét giải quyết.

Không đồng ý, ông Nguyễn Văn T tiếp tục gửi đơn đề nghị xem xét tính giá bồi thường về đất theo đơn giá đất ở (không phải giá đất nông nghiệp theo Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện C); đồng thời xem xét cấp 02 nền tái định cư tại Khu dân cư C thuộc xã A.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 4929/UBND về việc giải quyết nội dung phản ánh, kiến nghị của ông Nguyễn Văn T, theo đó nhận thấy các nội dung phản ánh, kiến nghị là không đủ cơ sở để xem xét giải quyết theo quy định.

Về yêu cầu hủy Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Điểm a, Khoản 3, Điều 40 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư và phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được quy định như sau:

“Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng trong dự án, Ủy ban nhân dân quận - phải thực hiện xong công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...”.

Căn cứ biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C; Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 17 tháng 01 năm 2019 do Công ty TNHH MTV Đ đo vẽ được Phòng T6 kiểm tra ngày 25 tháng 3 năm 2019; giấy xác nhận về quá trình sản xuất nông nghiệp ngày 11 tháng 12 năm 2019, giấy xác nhận về nguồn gốc pháp lý nhà và đất ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C; Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ Chính sách số 74/CS-HĐBT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư A (đoạn từ ngã ba rạch Giông đến kênh N), xã A, huyện C được Ủy ban nhân

dân huyện C phê duyệt tại Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021.

Từ cơ sở pháp lý trên, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Văn T với số tiền là 344.346.000 đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (không có giấy CNQSD đất) vị trí 2 với số tiền là 180.456.000 đồng ($247,20 \text{ m}^2 \times 730.000 \text{ đồng/m}^2$).

- Hỗ trợ về nhà, công trình và vật kiến trúc, với số tiền 136.631.592 đồng:

- + Hỗ trợ nhà: 98.641.626 đồng ($60,40 \text{ m}^2 \times 3.266.279 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- + Hỗ trợ chái (1): 8.624.561 đồng ($21,28 \text{ m}^2 \times 810.579 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- + Hỗ trợ chái (2): 3.210.020 đồng ($7,80 \text{ m}^2 \times 823.082 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- + Hỗ trợ chái (3): 3.063.989 đồng ($7,56 \text{ m}^2 \times 810.579 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- + Hỗ trợ nhà vệ sinh (1): 6.761.198 đồng ($4,14 \text{ m}^2 \times 3.266.279 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- + Hỗ trợ nhà vệ sinh (2): 12.085.232 đồng ($7,40 \text{ m}^2 \times 3.266.279 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- + Hỗ trợ sân xi măng: 1.508.526 đồng ($17,50 \text{ m}^2 \times 172.403 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- + Hỗ trợ sân gạch men: 792.590 đồng ($7,20 \text{ m}^2 \times 220.164 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- + Hỗ trợ tường gạch (chấn sóng): 660.758 đồng ($2,80 \text{ m}^2 \times 471.970 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- + Hỗ trợ hàng rào: 1.283.092 đồng ($13,76 \text{ m}^2 \times 186.496 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

- Bồi thường cây trái hoa màu, với số tiền là 999.113 đồng.

- Bồi thường tài sản khác, với số tiền 1.259.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ (hỗ trợ thêm nếu chấp hành bàn giao mặt bằng trước và đúng thời gian quy định và hỗ trợ di chuyển nhà), với số tiền là 25.000.000 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông T là đúng quy định pháp luật và đúng trình tự, thủ tục. Việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là không có cơ sở.

Về yêu cầu tính giá bồi thường, hỗ trợ về đất theo đúng quy định:

Căn cứ biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C; Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 17 tháng 01 năm 2019 do Công ty TNHH MTV Đ đo vẽ được Phòng T6 kiểm tra ngày 25 tháng 3 năm 2019 xác định trường hợp hộ ông Nguyễn Văn T có tổng diện tích đất ảnh hưởng trong dự án là $247,2 \text{ m}^2$, thuộc thửa số 6-1, 7-1, 8-1, r, tờ bản đồ số 57, tài liệu năm 2005 (nhằm một phần thửa

đất số 383, tờ bản đồ số 131, tài liệu năm 1992) tại xã A (không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và toàn bộ nhà ở trong dự án Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư A (đoạn từ ngã ba rạch G đến kênh Ngay), huyện C đã được Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 về thu hồi đất.

Theo giấy xác nhận về quá trình sản xuất nông nghiệp ngày 11 tháng 12 năm 2019, giấy xác nhận về nguồn gốc pháp lý nhà và đất ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C xác nhận phần diện tích ảnh hưởng do cha mẹ Ông khai hoang trước năm 1975 sử dụng và cất nhà ở ổn định đến năm 1979 cho lại ông Nguyễn Văn T sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp.

Căn cứ khoản 3 Điều 11 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó quy định: “Trường hợp hộ gia đình cá nhân sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt của dự án ...”.

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm trong dự án Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư A (đoạn từ ngã ba rạch G đến kênh Ngay), huyện C; Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện C phê duyệt Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thì đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, vị trí 2 có đơn giá bồi thường 730.000 đồng/m².

Theo hồ sơ đã thực hiện điều tra kiểm kê hiện trạng sử dụng đất, tài sản ảnh hưởng và căn cứ vào các quy định đã được nêu trên thì phần diện tích đất của hộ ông Nguyễn Văn T được hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường, cụ thể là $247,20 \text{ m}^2 \times 730.000 \text{ đồng/m}^2 = 180.456.000 \text{ đồng}$. Như vậy, việc tính hỗ trợ về đất nông nghiệp (không có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) bằng 100% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt là phù hợp và đúng với quy định.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bị ảnh hưởng dự án của ông Nguyễn Văn T, đồng thời căn cứ các quy định liên quan, Ủy ban nhân dân huyện C nhận thấy việc giải quyết các nội dung đã được nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân thành phố xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị L, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Ngọc T3, bà Nguyễn Thị Ngọc T4, bà

Nguyễn Thị Cẩm N, bà Nguyễn Thị Cẩm T5 trình bày thống nhất với ý kiến của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 647/2023/HC-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 158; Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, hủy Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T bị ảnh hưởng trong dự án Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp A (đoạn từ ngã ba rạch G đến kênh Ngay) tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định Ủy ban nhân dân huyện C có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 18/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 627/QĐ-UBND để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân

cư A (đoạn từ ngã ba rạch Giông đến kênh N), xã A, huyện C thu hồi khu đất của ông T diện tích 247,2m² thuộc thửa số 6-1, 7-1, 8-1, r, tờ bản đồ số 57, tài liệu năm 2005 (nhằm một phần thửa đất số 383, tờ bản đồ số 131, tài liệu năm 1992) tại xã A, huyện C. Ngày 22/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 659/QĐ-UBND về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Nguyễn Văn T với số tiền là 344.346.000 đồng, bao gồm:

- Hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (không có giấy CNQSD đất) vị trí 2 với số tiền là 180.456.000 đồng (247,20m² x 730.000 đồng/m²). Hỗ trợ về nhà ở và một số công trình phụ và hoa màu khác.

- Chính sách hỗ trợ (hỗ trợ thêm nếu chấp hành bàn giao mặt bằng trước và đúng thời gian quy định và hỗ trợ di chuyển nhà), với số tiền là 25.000.000 đồng.

Không đồng ý với mức hỗ trợ nêu trên ông T khởi kiện yêu cầu huỷ quyết định 659/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T.

[2] Xét đơn kháng cáo của UBND huyện C; Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Theo tài liệu 299/TTg khu đất 235,1m² thuộc một phần thửa 232 tờ bản đồ số 8, loại đất T (thổ), do UBND xã A đăng ký. Theo tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa 383 tờ bản đồ 13, loại đất ở nông thôn (ONT) do UBND xã A đăng ký. Tài liệu BĐĐC 2005 thuộc một phần thửa 6,7,8 tờ bản đồ 57, loại đất ở nông thôn (ONT).

Tại Giấy xác nhận nguồn gốc, pháp lý nhà đất của hộ ông Nguyễn Văn T do Ủy ban nhân dân xã A lập ngày 17/6/2020 thể hiện: Nguồn gốc khu đất 247,2m² của ông T do cha mẹ khai hoang trước năm 1975 sử dụng và cất nhà ở ổn định từ năm 1975, đến năm 1979, cho lại ông T, ông T sửa chữa nâng cấp căn nhà ở ổn định đến nay, không tranh chấp; hiện nay ông T không còn nhà đất nào khác.

Ngoài ra, tại Sổ hộ khẩu của hộ ông T được cấp ngày 05/10/2009, thể hiện thời điểm chuyển khẩu đến nhà đất này vào ngày 31/12/1976.

Như vậy, có cơ sở xác định hộ ông Nguyễn Văn T thực tế sử dụng khu đất 235,1m² với mục đích đất ở, ổn định, liên tục, không có tranh chấp từ trước 15/10/1993.

Căn cứ điểm a mục 1 Phần III Chính sách số 74/CS-HĐBT ngày 18/6/2021 của Hội đồng bồi thường huyện C về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư A (đoạn từ ngã ba rạch Giông đến kênh N), xã A, huyện C; Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 20 và điểm e khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ khu đất 235,1m² của hộ ông T có đủ điều kiện bồi thường theo đơn giá đất ở.

Căn cứ Điều 6 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định 18/2016/QĐ-UBND ngày 18/6/2016 của

Ủy ban nhân dân Thành phố H, tổng diện tích đất của ông T bị thu hồi là 247,2m², trong đó diện tích 235,1m² được công nhận toàn bộ đất ở; diện tích này thuộc hạn mức công nhận đất ở tại địa bàn huyện C (300m²) nên không phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ khoản 4 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 3 Điều 11 Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố xác định hộ ông T không đủ điều kiện bồi thường đất ở mà chỉ hỗ trợ bằng đơn giá đất nông nghiệp là không có căn cứ pháp luật.

- Đối với yêu cầu bồi thường vật kiến trúc:

Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc, pháp lý nhà đất của hộ ông Nguyễn Văn T của Ủy ban nhân dân xã A ngày 17/6/2020 thời điểm xây dựng và quá trình sử dụng nhà: Nhà do cha mẹ sử dụng năm 1975 (nhà lá) sử dụng đến năm 1979 cho lại ông T sử dụng đến năm 1979 cho lại ông T sử dụng đến năm 2003 sửa chữa lại (thay mái tole, vách tường + tole, nền gạch men) và xây dựng các vật kiến trúc khác là chái (1) (2) (3), nhà vệ sinh (1) (2), sân xi măng, sân gạch men, hàng rào và tường gạch để chắn sóng tàu).

Căn cứ điểm a khoản 4.2 mục 4 Phần IV Chính sách số 74/CS-HĐBT ngày 18/6/2021 của Hội đồng bồi thường huyện C thì nhà của ông T xây dựng trước 01/7/2006 trên đất đủ bồi thường về đất ở và tại thời điểm xây dựng phù hợp quy hoạch nên đủ điều kiện bồi thường 100% vật kiến trúc trên diện tích 235,1m².

- Đối với yêu cầu tái định cư:

Hộ ông Nguyễn Văn T bị thu hồi toàn bộ diện tích đất ở, không còn đất ở nhà ở nào khác tại xã A, huyện C. Căn cứ khoản 1 Điều 36 Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Phần VI Chính sách số 74/CS-HĐBT ngày 18/6/2021 của Hội đồng bồi thường huyện C thì hộ ông T đủ điều kiện tái định cư. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C không hỗ trợ tái định cư cho hộ ông T là không đúng quy định.

“Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định: “1. Đối tượng, điều kiện tái định cư: Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở đủ điều kiện bồi thường quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013 (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư) thì được bố trí tái định cư trong các trường hợp sau: a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện về diện tích đất ở để cấp phép xây dựng (bao gồm cả trường hợp cấp phép xây dựng có thời hạn) theo quy định mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn phường - xã - thị trấn nơi có đất ở thu hồi”.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án hành chính sơ thẩm đã xem xét đánh giá và áp dụng đúng các quy định của pháp luật về đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành để xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông T là có căn cứ đúng pháp luật đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho người dân có nhà, đất

đã sử dụng ổn định nay bị thu hồi. Tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ nào mới cần được xem xét do vậy đơn kháng cáo của UBND huyện C không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 647/2023/HC- ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ các Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 158; Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, hủy Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T bị ảnh hưởng trong dự án Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp A (đoạn từ ngã ba rạch G đến kênh Ngay) tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người kháng cáo là Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Số tiền 300.000 nộp theo Biên lai nộp tạm ứng án phí số 0001746 ngày 11/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (7)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành

